

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 2001, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đình C, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Đình N, sinh năm 1966, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Ông Vũ Đình H, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị T, bị đơn anh C, trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/5/2019 và chung sống đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ

chồng, theo chị T xác định do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, anh C không chịu tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng do không hợp tính nết, nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Do tình cảm không còn, nên từ khoảng tháng 4/2022 chị T và anh C sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị ly hôn anh C. Anh C có quan điểm hiện tại con chung còn nhỏ tuổi, nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ hôn nhân mục đích để nuôi dạy con chung, nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh C đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh C có một con là Vũ Thị N. A sinh ngày 20/11/2019, hiện tại do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T, anh C đều có quan điểm, anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị T, anh C đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản, không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình hai bên. Khi ly hôn, chị T, anh C không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị ông N, ông H (bố của đương sự) xác định: Trong quá trình chung sống chị T, anh C có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Nếu các bên đương sự ly hôn, ông N, ông H đề nghị giao cháu A cho anh C nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị T ly hôn anh C; giao con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; chị T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 24/5/2019, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết; hiện tại đã sống ly thân, không còn

quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại UBND xã T, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đương sự đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Thực tế khi giải quyết vụ án cả hai bên đương sự đều xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nhưng anh C không đồng ý ly hôn chỉ với lý do con chung còn nhỏ tuổi nên mong mong muốn chị T về đoàn tụ và cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự được trực tiếp gặp gỡ và tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân, nhưng anh C không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh C thờ ơ, bất cần, không tha thiết, không có mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị T, còn chị T cương quyết xin ly hôn anh C. Như vậy từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị T ly hôn anh C.

[3]. Về con chung: Xác định chị T, anh C có một con chung là Vũ Thị N. A sinh ngày 20/11/2019, hiện tại do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T, anh C thỏa thuận, nếu vợ chồng ly hôn, anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xem xét quan điểm của hai bên đương sự, HĐXX thấy rằng: Cháu A hiện còn nhỏ tuổi, từ khi chị T, anh C sống ly thân (tháng 4/2022) anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, quá trình nuôi dưỡng anh C đều đảm bảo các điều kiện về nuôi dưỡng. Do vậy căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu A cho anh C nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị T, anh C không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T ly hôn anh Vũ Đình C.

- Về con chung: Giao con Vũ Thị N. A sinh ngày 20/11/2019 cho anh Vũ Đình C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 06/2023 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị Phạm Thị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003416 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn